

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH C MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2022/DS-ST**

Ngày 09 - 3 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH C MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh C Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Ông Dương Việt Khái – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2021/TLST-DS ngày 29/6/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2021/QĐXXST-DS ngày 22/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-DS ngày 11/01/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án số: 01/TB-TA ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần H H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C.

Bà La Thị O.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh C Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2021 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Bị đơn có nhờ nguyên đơn vay dùm số tiền 100.000.000 đồng (nhưng thực tế nguyên đơn tự xuất tiền ra cho bị đơn trực tiếp vay). Vào ngày 01/5/2018 âm lịch tại nhà của nguyên đơn, thì nguyên đơn trực tiếp đưa cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng (sau khi nhận tiền thì bị đơn có ký tên vào biên nhận do nguyên đơn viết), lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, thời hạn vay 02 năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bị đơn có trả lãi hàng tháng đến ngày 30/12/2019 âm lịch được số tiền 25.000.000 đồng và trả vốn được 23.000.000 đồng,

còn lại số tiền vốn 77.000.000 đồng thì ngày 30/12/2019 âm lịch cho đến nay không có trả lãi, đến ngày 10/12/2021 âm lịch tiếp tục trả vốn được 40.000.000 đồng và hẹn đến ngày 25/12/2021 âm lịch sẽ thanh toán toàn bộ số tiền vốn và lãi còn lại, nhưng bị đơn không thực hiện. Cho đến nay còn lại 37.000.000 đồng tiền vốn chưa thanh toán và cũng không có trả lãi. Việc bị đơn vay tiền nguyên đơn hiện còn dư nợ chưa trả thì có ông Nguyễn Văn H và bà Lê Ngọc T biết. Đối với số tiền cho bị đơn vay là quyền lợi của cá nhân nguyên đơn chứ không liên quan gì đến gia đình nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 37.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc 77.000.000 đồng từ ngày 30/12/2019 âm lịch cho đến nay với mức lãi suất 20%/năm, tiền lãi trên nợ gốc 37.000.000 đồng từ ngày 10/12/2021 âm lịch cho đến nay với mức lãi suất 20%/năm.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Lời trình bày của bà Phạm Thị D (vợ ông Nguyễn Văn H) tại biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2021, thể hiện:** Bà D là người nhận cổ đất của vợ chồng bị đơn. Việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thì bà D không biết. Nội D bà D xác nhận cho nguyên đơn là do nguyên đơn nói với bà D vợ chồng bị đơn có nợ nguyên đơn 01 số tiền và hứa khi nào cổ đất cho bà D xong sẽ trả tiền cho nguyên đơn, nên bà D mới xác nhận (nội D xác nhận có tên Nguyễn Văn H là do bà D trực tiếp ghi, chứ ông H không có xác nhận). Còn việc bị đơn có nợ nguyên đơn hay không, hay nợ bao nhiêu tiền thì bà D không biết.

- **Lời trình bày của bà Lê Thị T (Lê Ngọc T) tại biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2021, thể hiện:** Nội D bà T xác nhận cho nguyên đơn là vào thời gian nào không nhớ tại nhà ông Nguyễn Văn H khi đó có bà Thạch, vợ chồng ông H và nguyên đơn thì ông C có gọi điện thoại về cho vợ chồng ông H nghe máy, nội D nói chuyện khi đó có mọi người nghe ông C hiện nay còn nợ tiền của bà T và nguyên đơn, khi nào cổ đất cho vợ chồng ông H xong sẽ lấy tiền trả cho bà T và nguyên đơn, khi đó bà T có nghe ông C nói là nợ nguyên đơn mấy chục triệu và khi đó nghe nguyên đơn nói ông C còn nợ 77.000.000 đồng và tiền lãi, tại nhà ông H thì vợ chồng ông H có hứa với bà T và nguyên đơn khi nào làm giấy tờ với vợ chồng ông C xong thì sẽ trả tiền nợ của vợ chồng ông C cho bà T và nguyên đơn. Theo bà T biết thì từ ngày tại nhà ông H thì vợ chồng ông C không có trả khoản tiền nào cho nguyên đơn.

- **Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thới phát biểu:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn 37.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định với mức lãi suất 20%/năm. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội D vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán tiền nợ vay và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh C Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh C Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội D tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ “*Giấy giao kèo cho hỏi tiền ngày 01/5/2018 âm lịch có nội D ông Nguyễn Văn C và và La Thị O cùng cư ngụ ấp 2B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh C Mau có nhờ ông Trần H H cư ngụ ấp Kinh Hội, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh C Mau hỏi dùm số tiền 100.000.000 đồng, thời gian hỏi 24 tháng, lãi suất 4%/tháng, mỗi tháng mỗi đóng lãi, nếu ai sai người đó hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật (bên dưới cụm từ người hỏi tiền có ký tên và ghi họ và tên chồng Nguyễn Văn C, vợ La Thị O*”. Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy giao kèo do nguyên đơn cung cấp đều có chữ ký và ghi họ tên của bị đơn Nguyễn Văn C và La Thị O, lãi suất thỏa thuận, thời hạn cho vay đúng như lời trình bày của nguyên đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp cho bị đơn biết việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn biết được các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (trong đó có giấy giao kèo cho hỏi tiền ngày 01/5/2018 âm lịch do nguyên đơn cung cấp), nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và cũng không chứng minh việc đã thanh toán xong toàn bộ số tiền vốn vay và lãi cho nguyên đơn; ngoài ra, qua làm việc với bà Lê Thị T(Lê Ngọc Thạch) thì bà xác định tại nhà ông Nguyễn Văn H khi đó bà T có nghe ông C nói chuyện qua điện thoại là có nợ nguyên đơn mấy chục triệu và khi đó nghe nguyên đơn nói ông C còn nợ 77.000.000 đồng và tiền lãi, theo bà T biết thì từ ngày tại nhà ông H thì vợ chồng ông C không có trả khoản tiền nào cho nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định thực tế bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền vốn 100.000.000 đồng theo giấy giao kèo cho hỏi tiền ngày 01/5/2018 do nguyên đơn cung cấp, hiện nay bị đơn chỉ thanh toán được số tiền vốn 23.000.000 đồng, số tiền lãi 25.000.000 đồng tính đến ngày 30/12/2019 âm lịch

và 40.000.000 đồng tiền vốn tính đến ngày 10/12/2021 âm lịch (do nguyên đơn thừa nhận) và thực tế hiện nay bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền gốc 37.000.000 đồng và lãi chưa thanh toán đối với tiền nợ gốc 77.000.000 đồng từ ngày 30/12/2019 cho đến nay và lãi chưa thanh toán đối với tiền nợ gốc 37.000.000 đồng từ ngày 10/12/2021 âm lịch cho đến nay là đúng. Đối với lãi suất giữa các bên thỏa thuận 4%/tháng là trái với quy định của pháp luật, nên cần điều chỉnh lại mức lãi suất 20%/năm đối với khoản tiền gốc vay, như vậy lãi suất được điều chỉnh lại như sau tiền vốn gốc 100.000.000 đồng X lãi suất 20%/năm X thời gian từ ngày 01/5/2018 âm lịch đến ngày 30/12/2019 âm lịch (là 01 năm 07 tháng 29 ngày) = 33.277.757 đồng tiền lãi, nguyên đơn xác định đến thời điểm ngày 30/12/2019 âm lịch bị đơn có trả được tiền lãi là 25.000.000 đồng và tiền vốn 23.000.000 đồng, như vậy phần tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn không vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật, đối với phần tiền lãi chênh lệch nguyên đơn không có yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện nên không xem xét là đúng. Đã có căn cứ chứng minh được bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn 77.000.000 đồng đến hết ngày 30/9/2019 âm lịch và số tiền vốn 37.000.000 đồng đến hết ngày 10/12/2021 âm lịch. Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền vốn cho nguyên đơn là 37.000.000 đồng và lãi suất chậm trả trên nợ gốc là 77.000.000 X lãi suất 20%/năm X thời gian từ ngày 30/12/2019 âm lịch đến ngày 10/12/2021 âm lịch là (02 năm 02 tháng 09 ngày) = 33.751.659 đồng và lãi suất chậm trả trên nợ gốc là 37.000.000 X lãi suất 20%/năm X thời gian từ ngày 10/12/2021 âm lịch đến ngày 09/3/2022 nhằm ngày 07/02/2022 âm lịch là (01 tháng 27 ngày) = 1.171.651 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ vay theo thỏa thuận giữa các bên, đồng thời nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng xác lập, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 37.000.000 đồng và tiền lãi 34.929.310 đồng là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 37.000.000 đồng và tiền lãi 34.929.310 đồng là đúng theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hoàng H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà La Thị O có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Hoàng H tổng số tiền 71.929.310 đồng (Trong đó: Tiền vốn 37.000.000 đồng, tiền lãi 34.929.310 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà La Thị O phải nộp là 3.596.465 đồng (Chưa nộp).

- Nguyên đơn ông Trần Hoàng H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 3.119.000 đồng theo biên lai thu số: 0005106 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐẤ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải